

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST

Ngày 02-6-2026

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Huyền Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Dung

2. Ông Nguyễn Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Tòng Thị H**, sinh năm 2001.

Địa chỉ Bản Sy, **xã C, tỉnh Sơn La**. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Hà Văn M**, sinh năm 1995.

Địa chỉ **Bản L, xã P, tỉnh Sơn La**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 17/12/2025, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị **Tòng Thị H trình bày:**

Chị **Tòng Thị H** và anh **Hà Văn M** tìm hiểu nhau và về chung sống như vợ chồng từ năm 2018 không có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không hòa hợp, từ đó hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị **H** chuyển về ở với bố mẹ đẻ từ năm 2022 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị **Tòng Thị H** có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng cho anh chị.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng, chị **Tòng Thị H** và anh **Hà Văn M** có 02 con chung là cháu **Hà Thị Kim K**, sinh ngày 06/10/2018 và cháu **Hà**

Văn C, sinh ngày 28/3/2021. Hiện tại cháu Hà Thị Kim K đang ở với chị Tông Thị H còn cháu Hà Văn C đang ở với anh Hà Văn M. Chị H có ý kiến giao cháu K cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục còn giao cháu C cho anh Hà Văn M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không có yêu cầu, đề nghị gì về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Chị Tông Thị H không đề nghị giải quyết.

Tại biên bản xác minh lập ngày 13/02/2026 với trưởng bản Lùm Thượng B, xã P, và biên bản xác minh với ông Hà Văn T (bố của anh Hà Văn M) xác định: Chị Tông Thị H và anh Hà Văn M chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn từ năm 2018, trong quá trình chung sống có ra mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không còn tình cảm với nhau, chị H chuyển về ở với bố mẹ đẻ, hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Sau khi hai vợ chồng mâu thuẫn gia đình hai bên đã khuyên nhủ, động viên để chị H, anh M quay lại đoàn tụ nhưng không thành. Trong thời gian gần đây, anh M đi làm ăn xa, thỉnh thoảng về thăm nhà xong lại đi nhưng không nói rõ với gia đình địa chỉ cụ thể ở đâu.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Tông Thị H, anh Hà Văn M có 02 con chung là Hà Thị Kim K, sinh ngày 06/10/2018 và cháu Hà Văn C, sinh ngày 28/3/2021, hiện nay cháu K đang ở với mẹ còn cháu C đang ở với bố và ông bà nội.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La đã tiến hành xác minh với Công an xã P xác định anh Hà Văn M có nơi thường trú là ở bản L, xã P, tỉnh Sơn La.

Tiến hành làm việc với UBND xã P và UBND xã C, tỉnh Sơn La đều xác định không có thông tin đăng ký kết hôn của chị Tông Thị H và anh Hà Văn M trong sổ và trên hệ thống dữ liệu hôn nhân của UBND xã P và UBND xã C.

Toà án nhân dân khu vực 5 – Sơn La đã thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định để anh M thực hiện quyền và nghĩa vụ, trình bày ý kiến, lấy lời khai nhưng anh M không có phản hồi và đều vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 17/3/2026, anh Hà Văn M vắng mặt, chị Tông Thị Hoàng G nguyên yêu cầu, phạm vi khởi kiện, không cung cấp tài liệu chứng cứ hay có yêu cầu gì khác. Anh Hà Văn M không có mặt nên chị H đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Toà án đã lập biên bản không hoà giải được.

Vì vậy căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 207; Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về quan hệ hôn nhân, phân chia trách nhiệm nuôi con chung đề

ngợi Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Sơn La tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc cung cấp tài liệu chứng cứ để giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự việc Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 51, 53, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Tòng Thị H** và anh **Hà Văn M**.

- Về con chung: Giao cháu **Hà Thị Kim K**, sinh ngày 06/10/2018 cho chị **Tòng Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu **Hà Văn C**, sinh ngày 28/3/2021 cho anh **Hà Văn M** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị **Tòng Thị H**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét về hình thức, nội dung đơn khởi kiện của chị **Tòng Thị H** là phù hợp quy định của pháp luật. Việc khởi kiện trên thuộc trường hợp tranh chấp về Ly hôn (không công nhận quan hệ vợ chồng) theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại **xã P, tỉnh Sơn La** vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Sơn La theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Tòng Thị H1** định rằng anh chị chung sống với nhau có tổ chức cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Việc chị **Tòng Thị H** và anh **Hà Văn M** chung sống với nhau không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận quan hệ vợ chồng.

Trong thời gian chung sống, chị **H** và anh **M** sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không thể hòa hợp; hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Khi phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Nhận thấy, năm 2022 đến nay chị **H** và anh **M** không còn chung sống với nhau, trong thời gian sống ly thân không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị **H** cho rằng chị đã không còn tình cảm với anh **M**, không thể hàn gắn và quay lại đoàn tụ với nhau. Nay chị **Tòng Thị H** đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị **H** và anh **M**, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3]. Về con chung: Hội đồng xét xử nhận thấy chị **Tòng Thị H** với anh **Hà Văn M** có với nhau 02 người con chung tên là **Hà Thị Kim K**, sinh ngày 06/10/2018 và cháu **Hà Văn C**, sinh ngày 28/3/2021, cháu **K** hiện đang sống với chị **H** còn cháu **C** đang sống cùng anh **M** và ông bà nội, cháu **K** có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy các cháu hiện đang ở, học tập, làm việc và có cuộc sống ổn định nên để tránh ảnh hưởng, gián đoạn đến cuộc sống và việc học tập của các cháu, cũng như để các cháu phát triển ổn định về thể chất, tinh thần, nên Hội đồng xét xử cần xem xét giao **Hà Thị Kim K**, sinh ngày 06/10/2018 cho chị **Tòng Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu **Hà Văn C**, sinh ngày 28/3/2021 cho anh **Hà Văn M** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Tòng Thị H** chưa có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Anh **Hà Văn M** không có văn bản ghi ý kiến. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị **Tòng Thị H** là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở **xã C** là xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, chị **H** có đơn xin miễn án phí, do vậy căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị **Tòng Thị H**.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 51, 53, 57, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị **Tòng Thị H.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Tòng Thị H** và anh **Hà Văn M.**

2. Về con chung: Giao cháu **Hà Thị Kim K**, sinh ngày 06/10/2018 cho chị **Tòng Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu **Hà Văn C**, sinh ngày 28/3/2021 cho anh **Hà Văn M** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi không phải là vợ chồng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu.

4. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị **Tòng Thị H.**

6. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 5 – Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 5 - Sơn La;
- UBND xã Pắc Ngà;
- UBND xã Chiềng Sung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T. M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Huyền Trang